TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/DSPT
Ngày: 15/9/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và bà Dương Thị Liên

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2021/TLPT - DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DSST ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2021/QĐ - PT ngày 29 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Văn Q, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm LC, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1986. (có mặt)

Địa chỉ: Xóm BT, xã BĐ, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn*: ông Nguyễn Công Q1 và ông Lê Quang N - luật sư Văn phòng luật sư AT, Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên; (Ông Q1 có mặt, ông N vắng mặt)

3. Người làm chứng:

3.1. Anh Trần Văn B, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm BT, xã BĐ, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên

3.2. Ông Trần Bùi Q2, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn TC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên

3.3. Ông Ngô Văn C, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm TĐ, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên

3.4. Ông Ngô Đình K, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn TC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn anh Trương Văn Q trình bầy: Từ chỗ quen biết, nên ngày 22/7/2019 anh đã cho anh T vay số tiền là 695.000.000 đồng (Sáu trăm chín mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay đến ngày 12 tháng 8 năm 2019, hai bên viết giấy biên nhận, không ghi tính lãi suất. Sau khi vay tiền, đến tháng 10 năm 2019, T đã trả cho anh 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và hẹn đến tháng 12 năm 2019 sẽ trả hết. Tuy nhiên, từ đó đến nay anh T không trả thêm được đồng nào. Nay anh xác định, anh T còn nợ số tiền gốc là 495.000.000 đồng và yêu cầu anh T phải trả anh toàn bộ số tiền gốc, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu chứng cứ anh Q giao nộp cho Tòa án gồm: Giấy vay tiền ngày 22/7/2019 (Bản gốc); Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 07 ngày 14/01/2020 của Công an huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 56 ngày 14/01/2020 của Công an huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn anh Trần Văn T và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Công Q1 trình bày:

Anh có mua của anh Q mặt hàng cám chăn nuôi từ năm 2018 và thanh toán với nhau theo từng đợt, lấy cám đợt này thì trả nợ lần trước. Tính đến thời điểm tháng 4 năm 2019, anh còn nợ tiền cám của Q là 20.000.000 đồng. Do cần tiền đảo nợ Ngân hàng vào tháng 6/2019 anh vay anh Q 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Tổng cả hai lần vay và cả tiền nợ cám là 120.000.000đ. Đến tháng 10/2019 thì anh Q buộc anh T phải thanh toán số tiền 695.000.000đ và làm hợp đồng công chứng, anh T không nhớ thời điểm thanh toán trả cho anh Q là thời gian nào. Nhưng anh T xác định đã trả cho anh Q nhiều lần số tiền là hơn 700.000.000đ, khi trả do quen biết nên không viết giấy biên nhận. Ngày 10/7/2019 anh T trả anh Q 23.000.000đ (có viết giấy biên nhận). Ngày 11 tháng 10 năm 2019 anh T đã trả anh Q 200.000.000đ (có viết giấy biên nhận). Trong giấy biên nhận anh T trả anh Q có ghi: *Ngoài hai trăm triệu đồng thì anh T không còn nợ anh Q khoản tiền nào khác*. Giấy vay tiền 22/7/2019, giấy này là việc hợp thức hóa giấy vay tiền là không có thực. Vì trong giấy biên nhận tiền anh Q ghi có cả tiền cám và tiền vay, hợp đồng mua xe là giả mạo vì không có chiếc xe nào, không có đặt cọc gì. Do vậy, đại diện theo ủy quyền của anh T xác định anh T chỉ còn nợ anh Q 200.000.000đ và anh T chỉ có trách nhiệm trả cho anh Q 200.000.000đ. (Anh T tại phiên tòa xác định không còn nợ anh Q khoản tiền nào và không chấp nhận trả cho anh Q số tiền 200.000.000đ *(hai trăm triệu đồng)* như ý kiến của đại diện theo ủy quyền của anh T)

Tài liệu chứng cứ anh Trần Văn T giao nộp cho Tòa án gồm: Hợp đồng đặt

cọc mua ô tô con loại vios đã qua sử dụng ngày 11/10/2019; Giấy biên nhận tiền ngày 11/10/2019 (bản phô tô).

Những người làm chứng trình bày:

Anh Trần Văn B: Anh là anh trai ruột của anh Trần Văn T, anh có thấy anh Q nhiều lần đến đòi tiền anh T, giữa anh Q và anh T có xảy ra to tiếng. Ngày 11/10/2019 tại UBND xã TL, anh có thấy anh T trả anh Q số tiền 200.000.000 đồng và anh Q có viết giấy biên nhận đã nhận số tiền trên của anh T, còn số tiền nợ 200.000.000 đồng sẽ trả làm 2 lần nữa. Còn bản hợp đồng mua bán ô tô anh cho rằng không đúng vì anh T không có chiếc ô tô nào để mua bán.

Ông Trần Bùi Q2: Ông làm chứng tại UBND xã TL giữa anh Q và anh T nợ tiền với nhau, tổng số tiền nợ là 695.000.000đ. Anh T đã trả anh Q 200.000.000đ nay còn nợ 495.000.000đ.

Ông Nguyễn Đình K: Vào ngày 22 tháng 7 năm 2019, công dân Trần Văn T và Trương Văn Q đến trụ sở UBND xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên để yêu cầu chứng thực chữ ký trong giấy vay tiền ngày 22/7/2019. Sau khi tiếp nhận và kiểm tra các giấy tờ như: Giấy vay tiền; Giấy CMND của ông T và ông Q thấy hợp lệ, ông K là cán bộ Tư pháp tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã TL yêu cầu ông T và ông Q đến trước mặt ông để ký vào giấy vay tiền… Ông T và ông Q đã cùng nhau ký vào giấy vay tiền, xong ông K viết lời chứng theo mẫu quy định của Nghị định số: 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch được cài đặt sẵn trong Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của UBND huyện ĐH rồi chuyển cho ông Ngô Văn C lãnh đạo UBND xã trực tại BPTN&TKQ của UBND xã ký rồi đóng dấu xong trả kết quả cho công dân theo quy định, số chứng thực là 184, quyển số 01/2019-SCT/CK,ĐC ngày 22/7/2019). Với vụ việc nêu trên ông K cam đoan việc ông thực hiện chứng thực chữ ký trong các giấy vay tiền của ông T là đúng trình tự theo quy định của pháp luật được quy định tại nghị định số: 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ và quy định tại BPTN&TKQ của UBND xã.

Ông Ngô Văn C: Vào ngày 22 tháng 7 năm 2019, công dân Trần Văn T và Trương Văn Q đến trụ sở UBND xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (BPTN&TKQUBND xã TL) để yêu cầu chứng thực chữ ký trong giấy vay tiền ngày 22/7/2019. Sau khi ông K tiếp nhận và kiểm tra các giấy tờ như: Giấy vay tiền; Giấy CMND của ông T và ông Q thấy hợp lệ, ông K CC. Tư pháp - Hộ tịch là người tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã TL đã chuyển hồ sơ sang cho ông, sau đó ông đã ký vào hồ sơ và chuyển cho Văn phòng UBND xã đóng dấu rồi trả kết quả cho công dân theo quy định của Nghị định số: 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực

hợp đồng giao dịch được cài đặt sẵn trong Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của UBND huyện ĐH. Số chứng thực là 184, quyển số 01/2019-SCT/CK,ĐC ngày 22/7/2019). Với vụ việc nêu trên tôi cam đoan việc tôi thực hiện chứng thực chữ ký trong các giấy vay tiền của ông T là đúng trình tự theo quy định của pháp luật được quy định tại nghị định số: 23/2015/NĐ-CP ngày16/02/2015 của Chính phủ và quy định tại BPTN&TKQ của UBND xã.

Với nội dung nêu trên tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DSST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình đã quyết định:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn Q.

Buộc anh Trần Văn T phải có trách nhiệm trả cho anh Trương Văn Q số tiền gốc là: 495.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, anh Q có đơn yêu cầu thi hành, nếu anh T không tự nguyện thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí DSST: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Trần Văn T. Hoàn lại cho anh Trương Văn Q số tiền 11.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001092 ngày 12/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/6/2021, anh Trần Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tính hợp pháp của giấy vay tiền ngày 11/10/2019; Xem xét văn bản đặt cọc do anh Q lập ngày 11/10/2019; Không chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trương Văn Q và đình chỉ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Trần Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh cho rằng, số tiền anh đã trả cho anh Q là trên 700.000.000đ, tuy nhiên do tin tưởng nên không viết giấy biên nhận. Ngoài giấy biên nhận trả tiền ngày 11/10/2019 thì không còn giấy biên nhận nào khác. Việc anh Q tiếp tục đòi tiền của anh là không đúng, hơn nữa hiện nay anh không còn khả năng để trả.

Anh Trương Văn Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi anh T phải trả số tiền đã vay. Về biên bản nhận tiền ngày 11/10/2019, anh hoàn toàn nhất trí vì đó là do anh tự viết trong khi hoàn toàn tỉnh táo, anh nhất trí thực hiện theo biên bản này và rút một phần yêu cầu khởi kiện. Nay anh yêu cầu anh T phải trả cho anh số tiền vay gốc là 200.000.000đ, không yêu cầu tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh T, sửa bản án sơ thẩm 09/2021/DSST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình theo hướng: Buộc anh Trần Văn T phải có trách nhiệm trả cho anh Trương Văn Q số tiền vay gốc là 200.000.000đ, theo giấy vay nợ ngày 11/10/2019, không phải trả lãi do anh Q không yêu cầu. Anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày, tranh luận của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh T làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí, được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên họ đã có đầy đủ ý kiến trong hồ sơ, các đương sự đều nhất trí đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện của anh Trương Văn Q đề ngày 08/10/2019, ngày Tòa án nhân dân huyện Phú Bình nhận đơn là 10/02/2020, yêu cầu anh Trần Văn T phải có trách nhiệm trả số tiền vay gốc là 695.000.000đ, không yêu cầu tiền lãi suất. Quá trình giải quyết anh Q yêu cầu anh T phải trả số tiền gốc là 495.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay, anh Q rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu anh T phải trả số tiền vay gốc là 200.000.000đ, không yêu cầu tiền lãi suất theo giấy biên nhận tiền do các bên đã thống nhất ngày 11/10/2019.

Anh Trần Văn T không nhất trí với yêu cầu khởi kiện, không đồng ý trả khoản tiền nào vì cho rằng đây là khoản tiền cho vay nặng lãi và anh đã phải trả cho anh Q số tiền gốc cùng lãi là hơn 700.000.000đ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn T, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Đối với giấy vay tiền ngày 11/10/2019:

Ngày 22/7/2019, anh Trương Văn Q và anh Trần Văn T có giao dịch và lập hợp đồng vay tài sản bằng văn bản. Nội dung hợp đồng thể hiện anh T có vay của anh Q số tiền 695.000.000đ, hai bên không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả nợ vào ngày 12/8/2019. Các bên đều ký tên vào hợp đồng và xác nhận đó đúng là chữ ký của mình. Ngày 11/10/2019, anh T đã thanh toán cho anh Q được số tiền 200.000.000đ, được thể hiện tại giấy biên nhận tiền ngày 11/10/2019 do anh Trương Văn Q là người viết, có ký nhận của anh Trần Văn T và có sự chứng kiến của các anh Trần Văn B, Trần Q2. Ngoài ra, trong giấy biên nhận này anh Q đã chốt lại khoản tiền vay và xác định anh T chỉ còn nợ anh số tiền 200.000.000đ

(hai trăm triệu đồng). Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ và cho rằng do không có bản gốc của biên bản ngày 11/10/2019 để đối chiếu, nên đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Q và buộc anh T phải trả số tiền 495.000.000đ là chưa chính xác. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay anh Q đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ buộc anh T phải trả số tiền 200.000.000đ theo giấy biên nhận tiền ngày 11/10/2019. Xét đây là quyền tự định đoạt của đương sự và sự tự định đoạt đó phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về văn bản đặt cọc do anh Q lập ngày 11/10/2019: Theo tài liệu do anh T giao nộp cho Tòa án, có Hợp đồng đặt cọc mua ô tô con loại Vios đã qua sử dụng ngày 11/10/2019, giữa bên đặt cọc là anh Trương Văn Q và bên nhận đặt cọc là anh Trần Văn T. Trong vụ án này anh Trương Văn Q không khởi kiện anh T đối với Hợp đồng đặt cọc này và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh Hợp đồng đặt cọc mua bán xe ô tô có liên quan đến vụ án này. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và đánh giá Hợp đồng đặt cọc không liên quan đến vụ án và giành quyền cho các đương sự được khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác, là đảm bảo quyền lợi của các đương sự, đúng quy định của pháp luật.

[3.3] Về yêu cầu kháng cáo không chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trương Văn Q và đình chỉ giải quyết vụ án thấy rằng:

Anh Trần Văn T cho rằng, việc anh Q khởi kiện đòi tiền anh là trái pháp luật vì anh đã phải trả cho anh Q khoản tiền vượt quá số tiền đã vay. Tuy nhiên, anh T không xuất trình được bất kỳ, tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bầy của mình là đúng. Tại phiên tòa anh T cũng thừa nhận, việc anh ký tên vào các giấy vay tiền ngày 22/7/2019 và ngày 11/10/2019 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Hình thức và nội dung của các hợp đồng đã phù hợp các quy định tại Điều 385, 398, 401, 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên có hiệu lực đối với các bên và buộc các bên phải thực hiện. Tại phiên toà, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T nhất trí với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Văn Q và xác định việc anh T phải trả số tiền 200.000.000đ là đúng, phù hợp với thực tế và nhất trí trả. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận ý kiến đề nghị của anh T, về việc yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Q và đình chỉ giải quyết vụ án.

[3.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của anh T, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09 ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình. Buộc anh Trần Văn T trả cho anh Trương Văn Q số tiền gốc là 200.000.000đ. Anh T không phải trả tiền lãi cho khoản vay, do anh Q không yêu cầu.

Về nghĩa vụ thi hành án được thực hiện theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của anh T được chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh T theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả anh Q tiền tạm ứng đã nộp.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309; Điều 148, 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Trần Văn T, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DSST ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn Q đối với anh Trần Văn T.

2. Buộc anh Trần Văn T phải trả cho anh Trương Văn Q số tiền vay gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Anh T không phải trả số tiền lãi suất, do anh Q không yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người có quyền yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ thanh toán tiền, sẽ phải chịu lãi suất theo Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1 Về án phí phúc thẩm: Anh T không phải chịu tiền án phí phúc thẩm, được trả lại 300.000đ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0000484 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

3.2 Về án phí sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh T.

- Hoàn trả anh Q 11.950.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo biên lai số 0001092 ngày 12/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Phú Bình;
- Chi cục THADS huyện Phú Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy